

Số: /2025/QĐ-UBND Long An, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020, Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021, Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022, Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Công văn số 1837/UBND-KTTC ngày 25/02/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Quyết định Điều chỉnh, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An theo trình tự, thủ tục rút gọn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1167/TTr-STNMT ngày 26/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020, Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021, Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022, Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh, như sau:

1. Bổ sung tiết 2.11 khoản 2 Mục I Phần A BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT như sau:

Đất y tế, giáo dục và đào tạo: Giá đất được xác định bằng 50% giá đất ở (đối với huyện Bến Lức, Đức Hòa, Cần Đức, Cần Giuộc và thành phố Tân An); Giá đất được xác định bằng 40% giá đất ở (đối với các huyện còn lại và thị xã Kiến Tường).

2. Tại Phần B, điều chỉnh, bổ sung, thay thế PHỤ LỤC I BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP, PHỤ LỤC II BẢNG GIÁ ĐẤT Ở

(đính kèm Phụ lục I, II)

3. Tại Phần B, bổ sung PHỤ LỤC III BẢNG GIÁ ĐẤT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

(đính kèm Phụ lục III)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã Kiến Tường, thành phố Tân An tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời các Quyết định số 74/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 02/7/2020, Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021; Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 18/8/2022, Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 và Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 14/10/2024 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Vụ Pháp chế - BTNMT;
- TT. TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN và đoàn thể tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh;
- Phòng: KTTC, THKSTTHC;
- Lưu: VT, STNMT, Hai.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**